

SÀI GÒN TRƯỚC và SAU GIỜ PHÚT LỊCH SỬ 30/4/1975

(TRÍCH HỒI KÝ MỘT THỜI MỘT ĐỜI)

Nguyễn Việt Đĩnh

Sài Gòn hấp hối

Những ngày cuối cùng của tháng Tư năm 1975, Sài Gòn không còn là Sài Gòn mà tôi từng biết. Thành phố ấy vẫn có nắng, vẫn có gió thổi qua hàng me, vẫn có những con đường quen thuộc với tên gọi cũ, nhưng linh hồn của nó đã rệu rã. Người ta không còn sống bằng niềm tin, mà sống bằng phản xạ sinh tồn.

Ở thượng tầng, quyền lực thay đổi liên tục như những quân cờ bị xô lệch trong một ván cờ đã đến hồi tàn cuộc. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Tin ấy lan ra trong dân chúng nhanh như một cơn gió độc. Không ai ngạc nhiên, chỉ thấy hụt hẫng. Người từng nắm quyền lực cao nhất rời bỏ con tàu đang chìm, để lại phía sau một khoảng trống lạnh lùng.

Tiếp đó, Tổng thống Trần Văn Hương lên thay, rồi cũng không trụ được bao lâu. Trong vòng xoáy của áp lực quân sự và chính trị, ông trao lại quyền lực cho Đại tướng Dương Văn Minh, với Thủ tướng Vũ Văn Mẫu. Người ta gọi đó là “giải pháp cuối cùng”, là hy vọng mong manh cho một cuộc chuyển giao trong hòa bình. Nhưng ngay cả những người lạc quan nhất cũng hiểu: đó chỉ là nghi thức của một cái kết đã được định đoạt.

Quyền lực lúc này không còn nằm ở Dinh Độc Lập. Nó đã trôi ra ngoài tầm tay của bất kỳ chính phủ nào còn hiện diện. Thành phố bị bỏ rơi trong một khoảng lửng lơ: chưa sụp đổ hẳn, nhưng cũng không còn được bảo vệ.

Trong những ngày ấy, một cảnh tượng chưa từng thấy diễn ra trên các con đường Sài Gòn. Dân chúng đổ ra đường đi hôi của. Những cơ sở của người Mỹ bỏ lại, những ngôi nhà của các gia đình vừa di tản, trở thành mục tiêu cho những dòng người hỗn loạn. Cửa bị phá, đồ đạc bị khuân đi, từ bàn ghế, tủ lạnh cho đến nồi niêu xoong chảo, quần áo và các vật dụng khác...

Tôi không dám lên án họ. Trong cơn hấp hối của một xã hội, chuẩn mực đạo đức cũng tan rã theo. Người ta không còn nghĩ đến đúng sai, chỉ nghĩ đến ngày mai sẽ sống bằng gì. Có những gương mặt quen, những người hàng xóm từng chào hỏi nhau tử tế, nay lạnh lẽo cúi đầu khiêng đồ, tránh ánh mắt của người khác. Không ai nói gì. Không ai hỏi gì. Sự im lặng ấy còn đáng sợ hơn tiếng la hét.

Trên bầu trời Sài Gòn, từng đàn trực thăng võ trang của Thủy Quân Lục chiến Mỹ lượn vòng không ngừng. Tiếng cánh quạt xé gió vang lên suốt ngày đêm, như một thứ âm thanh báo tử. Chúng bay thấp, bay cao, đáp xuống các cao ốc, các địa điểm đã được chỉ định từ trước. Người ta nói về những cuộc bốc người từ nóc tòa đại sứ, từ các cao ốc lớn trong thành phố.

Những chiếc thang dây buông xuống từ không trung, người bám vào như bám vào sợi dây cuối cùng của sự sống.

Mỗi lần nghe tiếng trực thăng, tim tôi lại thất lại. Không phải vì hy vọng, mà vì một cảm giác bị bỏ lại. Chúng không đến cho tất cả. Chúng chỉ đến cho một số người đã được chọn, đã có tên, đã có chỗ. Phần còn lại của thành phố chỉ đứng nhìn, ngược mắt lên trời, bất lực.

Ngoài đường dân chúng vẫn tiếp tục hô của . Họ khuôn vác đủ thứ vật dụng, đồ đạc, tất cả mọi thứ có thể vơ vét được. Có nhiều thành niên cột mảnh vải đỏ trên trán, trên cổ tay, lái Honda xông xáo từ nơi này sang nơi khác. Đoàn người cuốn đi như thác lũ, kẻ khuôn vác, người lôi kéo mọi chiến lợi phẩm, do cơ hội ngàn năm một thuở không mất tiền mua.

Không khí chìm trong nỗi hoang mang . Tin đồn lan nhanh hơn tin chính thức. Nào là quân giải phóng đã đến sát ngoại ô, nào là giao tranh ngay trong đêm, nào là thành phố sẽ bị pháo kích. Không ai biết tin nào đúng, nhưng ai cũng sợ.

Tôi không dám ra khỏi nhà. Không phải vì sợ bom đạn, mà vì sợ nhìn thấy Sài Gòn trong những giờ phút ấy. Tôi sợ phải đối diện với ánh mắt thất thần của người khác, sợ phải nghe những câu hỏi mà chính tôi cũng không có câu trả lời. Ở trong nhà, tôi ít ra còn giữ được một ảo tưởng mong manh về sự an toàn.

Ban đêm, Sài Gòn không ngủ. Tiếng xe chạy vội vã, tiếng người gọi nhau, tiếng trực thăng, tất cả hòa vào nhau thành một bản nhạc hỗn loạn. Thành phố như một bệnh nhân nằm trên giường hấp hối, chờ đợi giây phút cuối đời.

Không ai nói ra, nhưng ai cũng hiểu: Sài Gòn sắp đổi chủ.

Trong những giờ phút ấy, tôi chợt nhận ra rằng Sài Gòn không chỉ là một thành phố. Nó là ký ức, là tuổi trẻ, là những giấc mơ dang dở của cả một thế hệ. Và giờ đây, tất cả đang lặng lẽ khép lại, không kèn không trống, chỉ có tiếng cánh quạt trực thăng xa dần trong bầu trời đục ngầu khói bụi.

Sài Gòn đang hấp hối. Đó là những ngày 28 và 29 tháng tư, năm 1975.

Và chúng tôi, những người ở lại, chỉ còn biết nín thở chờ khoảnh khắc cuối cùng.

Sài Gòn đổi chủ

Những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến không đến bằng một tiếng nổ long trời, mà bằng những bước chân rời rạc, mệt mỏi, nối tiếp nhau đi qua trước mắt tôi. Tôi đứng trong nhà, nép sau cánh cửa khép hờ, nhìn ra đường Đinh Tiên Hoàng – con đường quen thuộc bỗng trở thành một lối thoát cuối cùng của một đạo quân tan rã.

Từ hướng xa lộ Biên Hòa, những toán lính Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu rút vào nội thành. Lúc đầu, họ còn giữ được đội hình. Đi hàng một, nối tiếp nhau, trật tự một cách gượng gạo. Các sĩ quan chỉ huy ngồi trên xe jeep chạy chậm phía trước, gương mặt căng thẳng, mắt nhìn thẳng, không quay đầu lại. Bánh xe lăn trên mặt đường nghe nặng nề, như kéo theo cả một quá khứ dài đằng đằng.

Rồi đội hình ấy tan dần.

Sau những toán đầu tiên, là những nhóm lính đi lẻ tẻ. Không còn hàng ngũ, không còn hiệu lệnh. Họ đi như những người vừa tỉnh dậy sau một cơn mê dài. Mặt cúi gầm, ánh mắt vô hồn. Quần áo xóc xếch, áo trận bạc màu, bám bụi đỏ. Có người còn mang đầy đủ quân trang, có người chỉ khoác hờ chiếc áo nhà binh đã rách vai.

Tôi thấy một người lính dừng lại, tháo mũ sắt, đặt xuống bên vệ đường. Anh đứng yên vài giây, như do dự, rồi quay lưng bước đi. Ít phút sau, một người khác làm theo. Rồi nữa. Những chiếc mũ nằm lăn lóc trên mặt đường, như dấu chấm hết của một bản cáo chung.

Có người bỏ cả súng. Có người cởi áo, quần lại, vắt lên vai. Có người vừa đi vừa chạy, thờ dốt, như sợ có điều gì đó đuổi theo phía sau, dù phía sau lúc ấy dường như chẳng còn ai. Họ đã rã ngũ. Không phải vì thua ở một mặt trận, mà vì lời kêu gọi buông súng của Tổng thống Dương Văn Minh đã mang đến hồi kết cho tất cả.

Không có tiếng chửi thề. Không có tiếng la hét. Chỉ có sự im lặng nặng nề phủ lên đoàn người rút lui. Tôi nhận ra trong số họ có những gương mặt còn rất trẻ. Có lẽ chỉ mới hôm qua, họ còn đứng gác ở đâu đó, còn tin rằng mình đang bảo vệ quê hương. Hôm nay, họ đi qua trước nhà tôi như những người mất phương hướng, không biết ngày mai sẽ ra sao.

Hai, ba giờ sau, con đường lại đổi cảnh.

Từ cùng hướng xa lộ ấy, xuất hiện một nhóm người khác. Họ đi chậm, lặng lẽ. Đội mũ tai bèo, quần khăn rằn. Quần áo màu xanh lá cây, lưng thùng giản dị. Họ không ồn ào, không vội vã. Họ không chạy. Họ bước đều, mắt quan sát, nhưng không biểu lộ cảm xúc.

Cả khu phố nơi tôi ở như nín thở. Những cánh cửa đóng chặt. Những ô cửa sổ khép kín. Không ai ra ngoài. Không ai lên tiếng. Mọi người đứng sau những bức tường quen thuộc, hồi hộp chờ một điều gì đó sắp xảy ra, dù không ai biết chính xác đó là gì.

Không có tiếng súng. Không có tiếng hô hào. Chỉ có những bước chân đều đều tiến vào thành phố.

Đêm 29 rạng sáng 30 tháng Tư, Sài Gòn chìm trong một thứ im lặng lạ lùng. Trời tối, không trăng. Tôi nghe rõ từng âm thanh nhỏ nhất: tiếng gió thổi qua hàng cây, và rồi tiếng gọi nhau bằng giọng nói lạ, chưa từng nghe quen trên những con đường này. Tiếng bước chân của một đoàn quân đang tiến vào, không gấp gáp, không chần chừ.

Thành phố như nín thở.

Trong bóng tối, tôi không nhìn thấy rõ mặt họ, chỉ thấy những dáng người chuyển động, những bóng đen, đầu đội nón cối lướt qua dưới ánh đèn đường yếu ớt. Không ai chống cự. Không ai ngăn cản. Sài Gòn mở cửa đón một thực tại mới, trong im lặng.

Tôi đứng yên, lắng nghe. Trong đầu tôi không có những suy nghĩ lớn lao về chính trị hay thắng bại. Chỉ có một cảm giác rất rõ: một chương dài của đời mình vừa khép lại. Những gì tôi từng tin, từng sống, từng gắn bó – từ trường học, văn phòng, bạn bè, những sinh hoạt quen thuộc – tất cả đang trôi vào quá khứ, nhanh đến mức tôi không kịp nắm giữ.

Miền Nam, với nền Đệ nhị Cộng hòa, đã sụp đổ trong đêm ấy. Không bằng một trận đánh cuối cùng, mà bằng sự tan rã từ bên trong, bằng mệt mỏi, bằng những quyết định muộn màng. Và một phe thắng trận đang bước lên, lặng lẽ, chắc chắn.

Tôi không ra khỏi nhà. Tôi cũng không ngủ. Tôi chỉ ngồi đó, lắng nghe thành phố đổi chủ từng giờ, từng phút. Sài Gòn vẫn ở đó, nhưng không còn là Sài Gòn của ngày hôm qua.

Khi trời bắt đầu hửng sáng, tôi biết rằng từ nay, mọi thứ sẽ khác. Nhưng khác như thế nào, thì không ai trong chúng tôi lúc ấy có thể hình dung được. Chúng tôi chỉ biết: lịch sử đã rẽ sang một hướng khác, ngay trên con đường trước cửa nhà mình.

Sài Gòn, ngày đầu nhìn chủ mới

Sáng ngày 30 tháng Tư, Sài Gòn thức dậy trong một trạng thái lạ lẫm. Không có tiếng súng. Không có còi báo động. Chỉ có một sự yên lặng kéo dài từ đêm qua, nay bắt đầu rạn vỡ bởi những âm thanh khác thường.

Từ rất sớm, tôi đã nghe tiếng xe Honda nổ máy ngoài đường. Tiếng máy không đều, tiếng còi bóp liên hồi, dồn dập, như cổ phá tan bầu không khí nặng nề còn sót lại. Tôi hé cửa nhìn ra. Trên đường, nhiều xe Honda chờ các thanh niên chạy qua chạy lại. Họ phất những lá cờ giải phóng còn mới, màu sắc tươi, mang băng tay đỏ. Có người cười nói lớn, có người hô khẩu hiệu ngắn gọn, có người chỉ bóp còi inh ỏi mà không nói gì.

Dân chúng bắt đầu lục tục ra đường. Ban đầu còn dè dặt, đứng nép bên hiên nhà, nhìn theo. Rồi tò mò dần dần nổi sọt. Người ta nhập vào dòng người, đi bộ, đi xe, chạy theo những đoàn Honda đang hướng về trung tâm thành phố. Tôi cũng hòa vào dòng ấy, như bị một lực vô hình kéo đi.

Con đường dẫn về phía dinh Độc Lập đông dần. Không khí giống một ngày hội bất ngờ, nhưng là thứ hội hè chưa ai kịp hiểu rõ ý nghĩa. Gương mặt người dân đủ mọi sắc thái: tò mò, hoang mang, phấn khích, thận trọng. Không ai biết nên vui hay nên buồn, chỉ biết rằng có một biến cố lớn đang diễn ra, và mình đang đứng ngay trong lòng nó.

Khi tôi đến gần dinh Độc Lập, cảnh tượng hiện ra trước mắt như một bức ảnh đã được lịch sử định sẵn. Chiếc cổng rào bị xe tăng húc đổ, vẫn còn nằm nguyên vị trí. Không khí xung quanh nhộn nhịp. Có phóng viên ngoại quốc với máy ảnh, máy quay, đứng lẫn trong đám đông. Họ chụp hình liên tục, ghi lại những khoảnh khắc đầu tiên của một chế độ vừa chấm dứt.

Bộ đội đứng đó, bên cạnh xe tăng, giữa vòng vây của dân chúng. Có người trèo lên xe, có người đứng dựa, có người chỉ lặng lẽ nhìn quanh. Những khuôn mặt rất trẻ. Nhiều người còn mang nét ngây ngô, chưa kịp che giấu sự lạ lẫm trước một thành phố lớn như Sài Gòn. Họ nhìn người dân, người dân nhìn họ. Ánh mắt hai bên giao nhau, vừa dò xét, vừa cố tìm một điểm chung để hiểu nhau.

Trên các trục đường lớn – Công Lý, Thống Nhất – xe tăng và xe cơ giới của quân đội Bắc Việt đậu rải rác. Không thành hàng chỉnh tề như duyệt binh, mà như những phương tiện vừa dừng lại sau một chặng đường dài. Những chiếc xe sơn màu xanh xám nổi bật giữa lòng thành phố vốn quen với xe du lịch, xe Honda, xe đạp.

Phía sau một hai xe tăng đang di chuyển chậm, từng đoàn Honda nối đuôi theo. Các thanh niên phát còi, cười nói, reo hò. Không khí vừa giống lễ hội, vừa mang tính tò mò. Người ta đến để xem, để chứng kiến, để tự thuyết phục mình rằng tất cả những gì đang diễn ra là thật.

Tôi đứng bên lề đường, nhìn dòng người trôi qua, lòng không dậy lên cảm xúc mãnh liệt nào. Chỉ là một cảm giác trống trải, như vừa đánh mất một điều quen thuộc mà chưa kịp hiểu điều mới sẽ là gì. Sài Gòn vẫn đó, nắng vẫn lên, cây vẫn xanh, nhưng nhịp thở của thành phố đã khác.

Gần tòa Đại sứ Mỹ trên đường Thống Nhất, tôi thấy một cảnh tượng khiến mình dừng lại lâu hơn. Trên lề đường, có một vài người tụ tập quanh mấy giá vẽ. Vài nghệ sĩ đường phố đang vẽ tranh. Họ vẽ nhanh, nét bút dứt khoát. Có tranh vẽ xe tăng, có tranh vẽ còi, có tranh vẽ cảnh người lính và dân chúng đứng cạnh nhau.

Tôi tự hỏi: đây là sự tự phát, hay là một cảnh được dàn dựng? Không ai trả lời. Những người đứng xem cũng không hỏi. Họ chỉ nhìn, gật đầu, bàn tán nhỏ. Có người cười, có người im lặng. Mọi thứ diễn ra tự nhiên đến mức khó phân biệt đâu là ngẫu nhiên, đâu là chủ ý.

Điều làm tôi chú ý nhất trong ngày hôm đó không phải là xe tăng, không phải là cờ xí, mà là con người. Phần lớn bộ đội Bắc Việt tôi nhìn thấy đều còn rất trẻ. Gương mặt hiền, ánh mắt còn mang nét ngơ nghếch của những người lần đầu bước vào một thế giới khác hẳn nơi họ xuất phát. Nhưng trong sự ngây ngô ấy, tôi vẫn nhận ra một điều: kỷ luật. Họ không xô đẩy, không cướp bóc, không la hét. Họ đứng đúng vị trí, di chuyển có trật tự, giữ khoảng cách.

Dân chúng cũng vậy. Không có cảnh hỗn loạn. Không có bạo động. Chỉ có sự e dè, dò xét, và một nỗ lực âm thầm để chấp nhận thực tại mới. Người ta nói chuyện với nhau nhỏ nhẹ hơn. Tiếng cười có phần gượng. Những câu hỏi không nói ra lơ lửng trong ánh mắt: rồi sẽ ra sao? ngày mai thế nào?

Buổi trưa, nắng Sài Gòn gay gắt hơn. Dòng người bắt đầu thưa dần. Ai cũng mệt. Ai cũng mang theo trong lòng một cảm giác chưa gọi được thành tên. Tôi quay về nhà, đi chậm, như sợ bỏ sót điều gì trên những con đường quen thuộc.

Đó là ngày đầu tiên tôi nhìn thấy “chủ mới” của Sài Gòn. Không bằng hận thù. Không bằng reo vui. Chỉ bằng ánh nhìn của một người đứng giữa lịch sử, bắt ngờ bị đặt vào một khúc quanh lớn, nơi mọi phán đoán đều trở nên sớm sủa, và im lặng có lẽ là cách an toàn nhất để tồn tại.

Xếp hàng cả ngày

Những gương mặt mà tôi và dân chúng Sài Gòn nhìn thấy trong ngày 30 tháng Tư, rớt cuộc, chỉ là những người đứng ở tầng thấp nhất của một guồng máy rất lớn. Họ là những người lính trẻ, những cán bộ mới vào thành phố, đại diện cho một quyền lực còn ở rất xa. Ông chủ thật sự không có mặt trên đường phố hôm ấy. Ông chủ thật sự là những cấp lãnh đạo trong trung ương đảng Cộng sản, là trung ương cục miền Nam, đang bù đầu họp hành, sắp xếp, phân chia trách nhiệm, định hình một trật tự mới cho một đô thị vừa đổi chủ. Thì giờ đâu họ gặp dân.

Sài Gòn bước vào giai đoạn quân quản. Từ trên cao, những mệnh lệnh được ban hành. Từ dưới thấp, dân chúng bắt đầu cảm nhận từng thay đổi rất cụ thể, rất đời thường. Thành phố

không còn ồn ào như mấy ngày đầu. Không khí lắng xuống, nặng nề hơn, nghiêm chỉnh hơn. Dân chúng hiểu rằng từ nay mọi sinh hoạt sẽ đi vào khuôn khổ mới, và khuôn khổ ấy không cho phép nhiều lựa chọn.

Dân, trong cách nhìn của chính quyền mới, vừa là bạn, vừa là thù. Là bạn nếu ngoan ngoãn chấp hành. Là thù nếu bị xếp vào những thành phần “có vấn đề”. Không ai nói thẳng điều đó ra, nhưng ai cũng cảm nhận được. Người ta bắt đầu dè dặt trong lời ăn tiếng nói, thận trọng trong giao tiếp. Những câu chuyện riêng tư thu nhỏ lại trong phạm vi gia đình, hoặc chỉ thì thầm giữa những người thật thân.

Thay đổi đầu tiên và rõ rệt nhất là kinh tế. Kinh tế thị trường bị xóa bỏ. Những cửa tiệm quen thuộc đóng cửa dần. Hàng hóa biến mất nhanh chóng khỏi kệ. Quốc doanh trở thành con đường duy nhất. Gạo và nhu yếu phẩm được phân phối qua hợp tác xã. Mỗi gia đình có tem phiếu. Có tem mới được mua. Có phiếu mới được nhận. Không tem, không phiếu, không có gì.

Và thế là xếp hàng.

Xếp hàng trở thành một phần của đời sống. Xếp hàng buổi sáng. Xếp hàng buổi trưa. Có khi xếp hàng từ tinh mơ đến xế chiều, chỉ để mua vài ký gạo. Tôi và vợ tôi thay nhau đi. Người này về thì người kia đi. Không phải vì thích, mà vì không còn cách nào khác.

Những hàng người kéo dài trước cửa các cửa hàng quốc doanh. Người đứng trước, người đứng sau, ai cũng ôm khư khư số gạo, tem phiếu. Mặt mũi mệt mỏi. Có người mang theo ghế nhỏ để ngồi chờ. Có người trải tờ báo xuống đất. Có người tranh thủ trò chuyện cho qua thời gian, nhưng phần lớn là im lặng.

Khi tới lượt, không ai biết chắc mình sẽ mua được gì. Có khi là gạo, nhưng gạo lẫn trấu. Có khi chỉ còn bo bo. Có khi chẳng còn gì ngoài một bó rau héo. Cá thì hiếm. Thịt gần như là chuyện xa xỉ. Mỗi lần mua được một con cá nhỏ, cả nhà coi như có bữa “tươi”.

Tôi còn nhớ cảm giác cầm túi gạo về nhà. Không phải là niềm vui, mà là một sự nhẹ nhõm tạm thời. Nhẹ nhõm vì hôm nay gia đình còn có cái ăn. Nhưng trong lòng vẫn canh cánh: ngày mai thì sao? Tuần tới thì sao?

Giao thông cũng bị hạn chế. Muốn đi từ địa phương này sang địa phương khác không còn dễ dàng. Phải xin giấy. Phải trình bày lý do. Phải chờ xét. Những chuyến đi vốn rất bình thường trước đây, nay trở thành chuyện phải cân nhắc. Thành phố như thu nhỏ lại, mỗi người bị giữ trong một không gian quen thuộc, khó thoát ra.

Buổi tối, sinh hoạt chưa kết thúc. Còn họp tổ dân phố. Họp đều đặn. Có mặt là nghĩa vụ. Không đi là bị nhắc nhở. Trong những căn phòng chật hẹp, người ta ngồi sát nhau, nghe cán bộ phổ biến chủ trương, chính sách của nhà nước. Giọng đọc đều đều, khô khan. Nội dung lặp đi lặp lại: học tập, cải tạo, xây dựng xã hội mới, cảnh giác với kẻ xấu.

Mọi người nghe, gật đầu. Ít ai hỏi. Có hỏi cũng là những câu rất an toàn. Không khí nghiêm trang. Ai cũng cố giữ cho mình một vị trí trung dung, không nổi bật, không bị chú ý.

Sau mỗi buổi họp, tôi và vợ tôi lặng lẽ đi về. Đường phố tối. Đèn đóm thừa thớt. Thành phố dường như mệt mỏi sau một ngày dài. Chúng tôi nói chuyện với nhau ít hơn trước. Không phải vì hết chuyện, mà vì không biết nên nói gì. Những câu hỏi lớn treo lơ lửng trong đầu, không có lời đáp.

Cuộc sống quay cuồng theo chính sách mới. Mỗi ngày là một thích nghi nhỏ. Một thói quen cũ bị bỏ đi. Một thói quen mới bị ép buộc phải hình thành. Người ta học cách chờ đợi. Học cách nhẫn nại. Học cách không mong nhiều.

Có những lúc đứng xếp hàng, tôi nhìn quanh, thấy toàn những gương mặt quen mà lạ. Quen vì cùng sống ở Sài Gòn bao năm. Lạ vì mỗi người như mang trên mặt một lớp che chắn vô hình. Không ai biết người đứng bên cạnh nghĩ gì, từng là ai, từng sống thế nào trước đây.

Xếp hàng không chỉ là để mua gạo. Xếp hàng là bài học đầu tiên của một trật tự mới. Bài học về sự lệ thuộc. Bài học về kiên nhẫn. Bài học về việc chấp nhận rằng từ nay, thời gian của mình không còn hoàn toàn thuộc về mình nữa.

Ngày nối ngày, chúng tôi tiếp tục xếp hàng. Không ai biết bao lâu thì kết thúc. Và cũng không ai dám hỏi.

Sài Gòn thời bao cấp

Sự chuyển giao quyền hành từ chính quyền cũ sang chính quyền mới ở Sài Gòn diễn ra trong trật tự và yên lặng. Điều đó, trước hết, là do lời kêu gọi buông súng của chính phủ Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu trong những giờ phút cuối cùng. Những đoàn quân Việt Nam Cộng Hòa tan rã nhanh chóng, không có những trận đánh trong thành phố, không có cảnh nhà cháy, phố đổ như nhiều người từng lo sợ. Sài Gòn đổi chủ trong một buổi sáng, gần như không nghe tiếng súng.

Những ngày đầu sau biến cố, điều dễ nhận thấy nhất là kỷ luật của quân đội Bắc Việt khi tiếp thu thành phố. Họ đi đứng có hàng ngũ, sinh hoạt có tổ chức. Trên các trục đường chính, không thấy cảnh cướp bóc, trộm lộn hay bán giết. Các cửa tiệm đóng im lìm vẫn còn nguyên vẹn. Nhà cửa của dân không bị xông vào khám xét bừa bãi. Ít nhất là trong những gì tôi chứng kiến ở Sài Gòn và các khu vực lân cận. Ở những địa phương xa xôi, chuyện xảy ra thế nào, tôi không biết và cũng không có điều kiện để biết.

Sài Gòn, thành phố từng được gọi là “Hòn ngọc Viễn Đông”, bỗng chốc trở nên lạ lẫm. Xe cộ thưa thớt hẳn. Những dòng xe hơi chen chúc trên đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Tự Do trước đây gần như biến mất. Và chính những đường này rồi cũng mất tên. Xe tư nhân hầu như không còn chạy. Trên đường chỉ còn xe đạp, xe xích lô, vài chiếc xe lam cũ kỹ và những xe quân đội sơn màu xanh rêu, chạy chậm rãi, nặng nề.

Âm thanh của thành phố cũng đổi khác. Không còn tiếng còi xe inh ỏi, không còn tiếng nhạc phát ra từ các quán cà phê. Thành phố như bị kéo chậm lại. Buổi sáng mờ mắt ra đã thấy yên tĩnh. Buổi chiều xuống, đường phố vắng người. Buổi tối, đèn đóm mờ nhạt, sinh hoạt co cụm trong từng gia đình.

Đa số dân chúng ngỡ ngác. Không ai thật sự biết tương lai sẽ ra sao. Những câu hỏi lơ lửng trong đầu mỗi người, nhưng không dám nói ra. Người ta sống từng ngày, lo chuyện trước mắt là đủ. Sáng lo gạo. Trưa lo cá, rau. Chiều lo buổi họp tổ. Tối lo cho ngày mai.

Xếp hàng trở thành sinh hoạt chính của đời sống. Xếp hàng mua gạo. Xếp hàng mua dầu hôi. Xếp hàng mua đường, muối. Có khi đứng cả buổi chỉ mua được vài ký gạo mốc, lẫn trấu. Có khi đến lượt thì hàng đã hết. Người ta thở dài, lặng lẽ quay về, tính lại bữa ăn trong đầu.

Trong đám đông ấy, có một thiểu số tỏ ra hào hởi. Họ mang băng tay, đeo huy hiệu, nói năng lớn tiếng, thường xuyên nhắc đến “cách mạng”, “giải phóng”, “đổi đời”. Họ tham gia các cuộc họp với vẻ hăng hái. Họ nhanh chóng thích nghi, hoặc ít nhất là tỏ ra thích nghi. Nhưng số ấy không nhiều. Phần đông còn lại là sự im lặng, dè dặt, và một nỗi lo mơ hồ kéo dài.

Rồi đến ngày đổi tiền.

Sau ngày 22 tháng Tư 1975, chính quyền mới thông báo đổi tiền cũ lấy tiền mới. Thông báo ngắn gọn, thời gian gấp gáp, giới hạn số tiền được đổi rất thấp. Dân chúng Sài Gòn đổ xô đi đổi tiền. Những hàng người dài trước các điểm đổi. Mỗi người cầm theo số tiền tích góp bao năm, hy vọng ít ra giữ được phần nào.

Nhưng rồi chỉ trong vài ngày, tài sản của rất nhiều gia đình gần như tan biến. Số tiền đổi được chỉ đủ tiêu dùng một thời gian ngắn. Phần còn lại bị xem như không còn giá trị. Không ai gọi đó là tịch thu, nhưng ai cũng hiểu rằng đó là một sự mất mát có tính toán, có hệ thống.

Những người từng có cửa ăn của để bỗng chốc trở thành nghèo. Những căn nhà rộng phải thu hẹp sinh hoạt. Những món đồ quý cất kỹ trong tủ dần dần đem bán, đổi lấy gạo. Đồng hồ, nhẫn cưới, dây chuyền, máy may, radio... lần lượt ra đi. Người ta học cách sống ít lại, ăn ít lại, nói ít lại.

Từ đó, câu chuyện vượt biên bắt đầu xuất hiện trong những cuộc nói chuyện thì thầm. Không ai nói lớn. Không ai dám hỏi thẳng. Nhưng qua đài BBC, VOA, người ta nghe loáng thoáng tin tức về những người ra đi bằng đường biển. Những chiếc thuyền nhỏ. Những chuyến đi đêm. Những cái tên mất tích.

Ban đầu, đó chỉ là những câu chuyện xa xôi. Nhưng càng về sau, càng có nhiều người quen biến mất. Một gia đình đóng cửa, nói là về quê, rồi không thấy trở lại. Một người bạn không đến họp tổ nữa. Một căn nhà sang tay vội vã. Tin tức lan truyền chậm nhưng dai dẳng.

Sài Gòn thời bao cấp là một thành phố sống bằng nhịp thở cảm chừng. Không sôi động, không bùng nổ, mà lặng lẽ chịu đựng. Người ta không chết đói, nhưng cũng không sống đủ đầy. Người ta tồn tại, hơn là sống.

Khuôn mặt mất hồn của dân Sài Gòn dưới bóng cờ đỏ

Sau những ngày đầu yên ắng của sự tiếp thu, Sài Gòn dần bước vào một giai đoạn khác. Không còn tiếng xe tăng, không còn đoàn quân diễu hành, không còn cờ phất phới ngoài đường. Thay vào đó là những tờ giấy mỏng nhưng nặng như đá: giấy gọi trình diện, giấy thông báo học tập cải tạo, giấy đăng ký hộ khẩu, giấy giới thiệu đi lại. Thành phố không bị đàn áp bằng tiếng súng, mà bị bao phủ bằng giấy tờ và mệnh lệnh.

Những người đầu tiên cảm nhận rõ nhất sự thay đổi là các sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cảnh sát, viên chức cao cấp của chế độ cũ. Ban đầu, chính quyền mới kêu gọi họ đi “học

tập cải tạo” trong thời gian ngắn, mang theo quần áo và lương thực đủ dùng vài ngày. Nhiều người tin. Họ nghĩ chiến tranh đã kết thúc, chỉ cần đi học chính sách rồi sẽ về.

Ngày họ đi, gia đình tiễn đưa trong lặng lẽ. Không có khóc lóc lớn tiếng. Không ai dám làm rùm beng. Người vợ gói ghém quần áo, nhét thêm ít thuốc, ít gạo rang. Người chồng dặn dò con cái học hành chăm chỉ. Họ chia tay nhau bằng những lời rất thường, như thể chỉ đi công tác ít hôm.

Nhưng rồi vài ngày thành vài tuần. Vài tuần thành vài tháng. Có người đi không trở lại suốt nhiều năm. Có người trở về thân thể gầy rộc, ánh mắt trống rỗng, không còn nói nhiều như trước. Có người không bao giờ trở về.

Những gia đình ấy sống trong trạng thái lơ lửng. Không biết chồng mình là tù hay là người đang “học tập”. Không biết bao giờ được về. Không biết có nên trông đợi hay không. Mỗi lần có cán bộ đến khu phố, tìm họ thất bại. Mỗi lần nghe gọi tên, chân tay rụng rời.

Song song với các trại cải tạo là chính sách đưa dân đi vùng kinh tế mới. Nhà nước kêu gọi, rồi dần dần thúc ép. Sài Gòn bị xem là nơi “ăn bám”, “đông dân không sản xuất”. Người ta được thông báo phải rời thành phố lên rừng, xuống vùng đất hoang, khai phá, trồng trọt, xây dựng cuộc sống mới.

Những chuyến đi ấy không có vẻ gì là tự nguyện. Gia đình nào bị xếp vào diện đi kinh tế mới đều hoang mang. Họ không biết nơi mình sắp đến là đâu. Không biết đất đai ra sao. Không biết sống bằng gì. Nhưng nếu không đi, thì bị coi là không chấp hành chủ trương.

Ngày lên đường, họ mang theo vài bộ quần áo, ít xoong nồi, vài bao gạo. Những căn nhà ở Sài Gòn khóa cửa lại, giao cho chính quyền quản lý. Có người hy vọng vài năm sẽ về. Nhưng phần lớn hiểu rằng một khi đã đi, con đường quay lại rất mờ mịt.

Cùng lúc đó, đời sống kinh tế trong thành phố bị bóp nghẹt. Kinh tế tư nhân bị xóa bỏ. Chợ búa bị kiểm soát. Buôn bán bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt. Những người từng sống bằng nghề buôn, nghề dịch vụ bỗng chốc thất nghiệp. Không ai cần thợ sửa xe. Không ai dám mở tiệm. Không ai dám bán hàng công khai.

Muốn sống, người ta phải bán chui. Bán trong nhà. Bán lén lút. Bán từng món đồ một. Cái bàn. Cái ghế. Cái tủ. Cái máy may. Cái quạt. Đồ đạc trong nhà vơi dần. Nhà cửa trống trải dần. Mỗi lần bán đi một món, như cắt đi một phần quá khứ.

Có người bán đến chiếc giường cuối cùng. Có người phải đem cả kỷ vật cưới hỏi đi đổi gạo. Những đồng tiền thu được không nhiều, nhưng đủ cầm cự vài ngày. Người ta không còn nghĩ đến tích lũy. Chỉ nghĩ đến hôm nay ăn gì, ngày mai ra sao.

Việc đi lại giữa Sài Gòn và các tỉnh bị kiểm soát chặt chẽ. Muốn ra khỏi thành phố phải có giấy giới thiệu. Muốn về quê cũng không dễ. Những con đường từng quen thuộc trở thành xa lạ. Dân Sài Gòn bị giữ lại trong chính thành phố của mình.

Trong hoàn cảnh đó, tâm lý chung là sự ngờ ngác kéo dài. Người ta không còn bàn chuyện chính trị. Không còn tranh luận đúng sai. Chỉ có những câu hỏi nhỏ, rất đời: “Ngày mai mua gạo ở đâu?”, “Con mình có được đi học không?”, “Chồng mình bao giờ về?”

Trên khuôn mặt dân Sài Gòn lúc ấy, khó thấy niềm vui. Cũng hiếm thấy sự phẫn nộ. Chủ yếu là sự mệt mỏi và trống rỗng. Họ không chống đối, nhưng cũng không tin tưởng. Họ làm theo vì không còn lựa chọn nào khác.

Lá cờ mới treo trên các công sở, trên đường phố. Nhưng dưới bóng lá cờ ấy, là những con người sống lặng lẽ, thu mình, cố gắng tồn tại. Không ai biết tương lai đất nước sẽ đi về đâu. Không ai biết đời mình rồi sẽ trôi dạt đến chỗ nào.

Sài Gòn đã mất tên, dù đường phố và con người vẫn còn đây. Thành phố đã mất hồn. Nó không còn là nơi của hy vọng, mà là nơi đầy sự hoang mang, lo sợ và chờ đợi. Chờ một điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra.

Sài Gòn mòn mỏi

Sau ngày Sài Gòn đổi chủ, thành phố không sụp đổ bằng tiếng nổ. Nó sụp đổ từ từ, lặng lẽ, bằng những thay đổi nhỏ nhưng dồn dập, len lỏi vào từng căn nhà, từng gia đình, từng thân phận. Ban đầu, nhiều người còn hy vọng. Chiến tranh đã hết, súng đã im, biết đâu rồi mọi sự sẽ yên ổn. Nhưng chỉ ít lâu sau, hy vọng ấy tan dần, nhường chỗ cho một cảm giác nặng nề, mơ hồ, không gọi tên được.

Những khuôn mặt dân Sài Gòn bắt đầu đổi khác. Ít nói hơn. Ít cười hơn. Ánh mắt thường xuyên lảng tránh, như sợ bắt gặp điều gì đó không nên thấy. Người ta không còn đứng tùm lại bàn chuyện thời cuộc như trước. Câu chuyện giờ chỉ xoay quanh gạo, tem phiếu, giấy tờ, và hai chữ “trình diện”.

Lệnh trình diện dành cho sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa, cảnh sát, và các công chức cao cấp được ban hành không lâu sau ngày tiếp thu. Giọng điệu ban đầu nhẹ nhàng: đi “học tập cải tạo” để hiểu chính sách mới. Thời gian được nói là ngắn ngày. Mang theo tư trang cá nhân, lương thực đủ dùng. Không ai gọi đó là đi tù.

Nhiều người tin. Họ tin vì muốn tin. Tin để trấn an vợ con. Tin để còn giữ được chút hy vọng cuối cùng. Ngày lên đường, họ mặc quần áo gọn gàng, xách theo túi vải. Không có xiềng xích. Không có áp giải. Nhưng trong ánh mắt người ở lại đã có dự cảm chằng lành.

Những ngày đầu, vợ con còn ngóng trông. Hết tuần này sang tuần khác. Rồi tháng này sang tháng khác. Không thư từ. Không tin tức. Có người sau nhiều năm mới trở về, thân hình tiều tụy, tóc bạc nhanh, ánh mắt trũng sâu. Có người trở về mà không còn gặp lại vợ con nữa. Cũng có những người không bao giờ trở về.

Những gia đình ấy sống trong tình trạng lửng lơ giữa hy vọng và tuyệt vọng. Không dám khóc lớn. Không dám than thở. Không biết bám víu vào đâu. Trong các khu phố, người ta bắt đầu quen với hình ảnh những người đàn bà mặc áo sẫm màu, lặng lẽ nuôi con, tránh nói về chồng.

Song song với các trại cải tạo là chính sách đưa dân đi vùng kinh tế mới. Trên giấy tờ, đó là chủ trương lớn, nhằm xây dựng đất nước, khai phá vùng hoang hóa. Nhưng trong thực tế, nó là một cuộc dịch chuyển cưỡng bức đối với hàng trăm nghìn gia đình thành thị.

Những ai bị xếp vào diện đi kinh tế mới đều hoang mang. Không ai được lựa chọn nơi đến. Không ai được chuẩn bị đầy đủ. Có người chưa từng rời Sài Gòn nay phải lên rừng sâu, đất lạ. Có người già, có trẻ nhỏ. Nhưng nếu không đi, thì bị xem là chống đối.

Ngày lên đường, xe chở người và đồ đạc nườm nượp. Không khí nặng nề. Không ai biết mình sẽ sống thế nào nơi sắp đến. Những căn nhà bỏ lại sau lưng, khóa cửa, giao cho chính quyền quản lý. Có người vẫn hy vọng vài năm sẽ về. Nhưng phần lớn hiểu rằng một khi đã đi, cánh cửa quay lại Sài Gòn gần như khép chặt.

Trong thành phố, đời sống kinh tế bị đảo lộn hoàn toàn. Kinh tế tư nhân bị xóa bỏ. Buôn bán bị cấm. Những tiệm quán từng nhộn nhịp đóng cửa im lìm. Những người từng sống bằng nghề buôn, nghề dịch vụ bỗng dưng thất nghiệp. Dân Sài Gòn thất nghiệp. Toàn dân Miền Nam đều bị thất nghiệp.

Muốn sống, người ta phải bán dần đồ đạc trong nhà. Bán âm thầm, lén lút. Hôm nay bán cái quạt. Ngày mai bán cái radio. Rồi đến bàn ghế, giường tủ. Mỗi món đồ ra đi là một phần ký ức mất theo. Nhà cửa thưa dần. Tường trống trải hơn. Cuộc sống thu hẹp lại chỉ còn ăn và tồn tại.

Tiền bạc mất giá. Tem phiếu trở thành vật quyết định bữa ăn. Người ta xếp hàng hàng giờ chỉ để mua vài ký gạo, một con cá nhỏ, một bó rau. Không ai than phiền lớn tiếng. Ai cũng sợ bị chú ý. Mọi người học cách cúi đầu, đứng yên, chờ đến lượt mình.

Việc đi lại bị kiểm soát chặt chẽ. Muốn ra khỏi Sài Gòn phải có giấy giới thiệu. Muốn về quê cũng không dễ. Thành phố như một cái lồng lớn. Người ta sống trong đó, đi làm, xếp hàng, họp tổ dân phố, rồi về nhà. Cuộc sống thu hẹp đến nghẹt thở.

Tối đến, nhiều gia đình tắt đèn sớm. Không phải vì buồn ngủ, mà vì không biết làm gì hơn. Radio trở thành cửa sổ duy nhất nhìn ra thế giới bên ngoài. Những ai còn bắt được đài BBC, VOA thì nghe lén. Tin tức vượt biên rỉ tai nhau. Nhưng nói nhỏ. Rất nhỏ.

Tâm lý chung của dân Sài Gòn lúc ấy là sự hoang mang kéo dài. Không còn tin vào ngày mai. Nhưng cũng chưa dám tuyệt vọng. Họ sống bằng bản năng sinh tồn, cố giữ gia đình qua ngày. Không ai dám mơ xa. Không ai dám tính lâu dài.

Dưới lá cờ mới, Sài Gòn không còn tiếng súng, nhưng cũng không còn niềm vui. Thành phố sống trong trật tự, nhưng là trật tự của sự cam chịu. Những khuôn mặt mất hồn đi lại trên đường, không nhìn nhau, không hỏi han, như sợ chạm vào nỗi đau chung.

Sài Gòn vẫn còn đó, nhưng linh hồn của nó đã bị vùi dập. Người dân không biết tương lai đất nước sẽ đi về đâu. Chỉ biết rằng, từ đây, cuộc sống của họ đã bước sang một trang khác — trang của sự cam phận, chịu đựng trong trại tù khổng lồ của chế độ mới.

Sau những tháng ngày đầu Sài Gòn đổi chủ, khi nỗi hoang mang đã trở thành trạng thái thường trực của đời sống, chính quyền mới bắt đầu bước sang giai đoạn “ổn định”. Ổn định, theo cách hiểu của họ, không chỉ là giữ trật tự ngoài đường phố, mà còn là sắp xếp lại con người, nhất là tầng lớp quân nhân công chức và trí thức của chế độ cũ.

(TRÍCH HỒI KÝ MỘT THỜI MỘT ĐỜI)

NGUYỄN VIỆT ĐÌNH

